

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách đảm bảo an toàn giao thông đường sắt đến 30/6/2017

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Công điện số 03/CD-UBATGTQG ngày 04/2/2017 của Ủy ban ATGT Quốc gia; Thông báo kết luận số 36/TB-BGTVT ngày 09/2/2017 Bộ GTVT về các giải pháp cấp bách kéo giảm tai nạn giao thông tại các đường ngang qua đường sắt, Tổng công ty ĐSVN báo cáo kết quả triển khai thực hiện 6 tháng đầu năm 2017, cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai:

- Tổng công ty ĐSVN đã ban hành các văn bản chỉ đạo sau: Công điện số 55/CD-ĐS ngày 08/2/2017 về các giải pháp cấp bách đảm bảo ATGT tại các đường ngang không người gác và các lối đi tự mở; Kế hoạch số 366/KH-ĐS ngày 16/02/2017 về thực hiện các giải pháp đảm bảo trật tự ATGT tại các vị trí giao cắt giữa đường bộ và đường sắt giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch số 576/KH-ĐS ngày 08/3/2017 về chương trình hành động năm an toàn giao thông 2017; Công điện số 231/CD-ĐS ngày 12/5/2017 về triển khai thực hiện tháng cao điểm tuyên truyền vận động thực hiện quy định pháp luật và xử lý vi phạm về hành lang ATGTĐS,...

- Rà soát và có báo cáo số 320/BC-ĐS ngày 13/02/2017 về thực trạng và các giải pháp đảm bảo ATGT tại các vị trí giao cắt giữa đường bộ với đường sắt để báo cáo Ủy ban ATGTQG, Bộ GTVT.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác cảnh giới tại các đường ngang phòng vệ bằng biển báo, đường ngang cảnh báo tự động (chưa có cần chắn tự động), các đường ngang, lối đi tự mở trong ga có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông cao; rào đóng, thu hẹp toàn bộ các lối đi tự mở, cấm bỏ sung biển báo hiệu “*Chú ý tàu hỏa*” và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo Quy chế phối hợp; thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch, báo cáo tiến độ thực hiện theo từng tuần, từng tháng.

- Thống kê các vị trí giao cắt đã xảy ra 02 vụ TNGT trở lên giai đoạn 2011-2016 (181 vị trí, trong đó: tại đường ngang CBTĐ, BB: 50 vị trí; tại lối đi tự mở: 131 vị trí) để làm việc với các đơn vị liên quan tổ chức cảnh giới, chốt gác; xây dựng kế hoạch, lập kinh phí cảnh giới tại các điểm có nguy cơ cao về tai nạn giao thông. Rà soát, điều chỉnh nhân lực tại các đường ngang có gác đã lắp động cơ điện cho cần chắn dần chuyển sang làm công tác cảnh giới.

- Phối hợp với Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở GTVT các địa phương rà soát, tổng hợp các vị trí giao cắt cùng mức giữa đường bộ và đường sắt (bao gồm cả đường ngang và lối đi tự mở) để báo cáo Bộ GTVT cho phép làm gờ giảm tốc cường bức, trong đó: **97** vị trí giao cắt với đường bộ do Tổng Cục đường bộ quản lý, **1583** vị trí giao cắt với đường bộ do các địa phương quản lý.

- Phối hợp với Cục ĐSVN lập **05** đoàn công tác đi làm việc với **16** địa phương (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) về công tác thực hiện Quy chế phối hợp với Bộ GTVT trong việc đảm bảo trật tự an toàn giao thông tại các vị trí giao cắt giữa đường bộ và đường sắt. Cử lãnh đạo Tổng công ty dự giao ban với **30/34** tiểu ban ANTT - ATGTĐS để phối hợp với các địa phương trong công tác đảm bảo ANTT, ATGTĐS năm 2017; tổng hợp các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế phối hợp và đề xuất, kiến nghị Bộ GTVT xem xét sửa đổi.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang, xây dựng hệ thống đường gom (nguồn vốn SNKT và nguồn vốn NSNN) giai đoạn 2017-2020; xây dựng kế hoạch ưu tiên thực hiện đối với các đường ngang có nguy cơ xảy ra tai nạn cao. Chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc nâng cấp, cải tạo đường ngang theo nguồn 994 đã được Cục ĐSVN phê duyệt từ năm 2016 chuyển sang năm 2017.

- Gửi lịch trình chạy tàu, tổ chức tập huấn, cung cấp điện thoại, dụng cụ phòng vệ cho lực lượng tham gia cảnh giới của địa phương; phối hợp với các cơ quan truyền thông, các đơn vị chức năng liên quan để tuyên truyền về TTATGTĐS, đặc biệt là tại các địa phương xảy ra nhiều vụ tai nạn và tại những điểm nóng về vi phạm HLATGTĐS.

- Hàng tháng, thông qua Hội nghị giao ban hạ tầng, Hội nghị giao ban SXKD để đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện của các đơn vị; xây dựng báo cáo tổng hợp gửi Ủy ban ATGTQG, Bộ GTVT, Ban ATGT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nêu rõ những việc đã làm được, các việc còn tồn tại của cả các đơn vị đường sắt và địa phương trong thực hiện các giải pháp cấp bách đảm bảo ATGTĐS và Quy chế phối hợp.

2. Kết quả đạt được (chi tiết tại các phụ lục 1,2,3):

Sau thời gian triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách đảm bảo ATGTĐS, từ Tổng công ty đến các đơn vị liên quan đã tích cực triển khai nhiều giải pháp trọng tâm, trọng điểm nhằm đạt hiệu quả cao nhất; tất cả các đơn vị đã xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng với các đơn vị đường sắt trong công tác đảm bảo ATGT tại các vị trí giao cắt đường bộ - đường sắt, xử lý các hành vi lấn chiếm hành lang, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt từng bước được cải thiện và hiệu quả, cụ thể:

2.1. Đối với Tổng công ty ĐSVN:

- Tiến hành cảnh giới bổ sung tại **120** vị trí đường ngang (ngoài khu gian **54** vị trí, trong địa phận ga **66** vị trí); Đoàn TN Tổng công ty duy trì cảnh giới **56** vị trí đường ngang trong các đợt vận tải cao điểm.

- Trong 6 tháng đầu năm 2017: xóa bỏ được **231** vị trí lối đi tự mở, tổng số lối đi tự mở còn lại **4048** vị trí; thu hẹp được **877** vị trí, nâng tổng số **1566/1714** vị trí đã được thu hẹp; cấm bỏ sung biển báo hiệu “*Chú ý tàu hỏa*” tại **843** vị trí, nâng tổng số **2.628/4048** vị trí được cấm biển (*số còn lại hầu hết là các lối đi tự mở vào 01 hoặc 02 hộ dân*); cấm biển hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ tại **157** vị trí. Đối với các lối đi tự mở không thể thu hẹp được mà chưa được cảnh giới, các đơn vị đã trực tiếp làm việc với Ban ATGT các địa phương để cảnh giới theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng - Chủ tịch UBATGTQG và nội dung Quy chế Phối hợp đã ký kết.

- Tổ chức **72** đợt tuyên truyền thực hiện quy định pháp luật về HLATGTĐS đến các hộ dân sống dọc 2 bên đường sắt; phát trên **9.000** tờ gấp; ký cam kết không vi phạm HLATGTĐS với **1.500** hộ dân; tổ chức **96** đợt ra quân, giải tỏa được **365/13.220** vị trí vi phạm hành lang đường sắt và **129/834** vị trí vi phạm hành lang TTH; phát quang **45.579m²** cây dại, tán cây che khuất tầm nhìn, phát quang đảm bảo tầm nhìn tại **402** vị trí giao cắt ĐS-ĐB; phối hợp với các đơn vị truyền hình VTV, ANTV, VTC, HTV; các báo: Giao thông, Vietnamnet, Đời sống pháp luật,...; các báo đài của địa phương thực hiện nhiều phóng sự, bài viết tuyên truyền về tình hình TTATGTĐS.

- Triển khai thực hiện lắp đặt bổ sung cần chắn tự động cho **144** đường ngang CBTĐ; gói thầu nâng cấp **20** đường ngang biển báo lên CBTĐ có CCTĐ; nâng cấp **01** đường ngang CBTĐ thành đường ngang có gác; lắp động cơ điện cho **43** đường ngang có gác;... (dự kiến hoàn thành trong quý 3,4/2017); Xây dựng Kế hoạch triển khai nâng cấp **452** đường ngang biển báo lên đường ngang CBTĐ có lắp đặt CCTĐ để báo cáo Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho giai đoạn 2017 - 2020.

- Hoàn thành công tác cài đặt phần mềm lưu trữ và xử lý dữ liệu về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt để triển khai áp dụng từ 01/7/2017.

- Đã tiến hành thử nghiệm việc lắp đặt camera hành trình và còi cảnh báo trên các đầu máy, dự kiến sẽ tiến hành triển khai thực hiện trong tháng 8/2017.

2.2. Đối với các địa phương và cơ quan quản lý đường bộ:

- Trong 6 tháng đầu năm 2017, các địa phương đã tổ chức cảnh giới bổ sung **25** vị trí lối đi tự mở nâng lên tổng số vị trí đang được cảnh giới là **203** vị trí; phối hợp với các đơn vị đường sắt thực hiện công tác rào đóng, thu hẹp lối đi tự mở và tiếp nhận quản lý.

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở GTVT các địa phương đã lắp đặt bổ sung 1.196/1.365 biển báo 210, 1.495/1.871 biển báo 211, 105/705 biển báo 243a,b,c; phối hợp với các đơn vị đường sắt rà soát, tổng hợp các vị trí giao cắt cần làm gờ giảm tốc cưỡng bức; tham mưu cho Bộ GTVT Quyết định ban hành Hướng dẫn tạm thời xây dựng gờ giảm tốc, gờ giảm tốc tại các vị trí đường bộ giao cắt cùng mức với đường sắt.

3. Tình hình tai nạn giao thông đường sắt 6 tháng đầu năm 2017 (tính từ 01/01 đến 30/6/2017) - chi tiết tại phụ lục số 4:

Bằng các giải pháp cụ thể, đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong Tổng công ty ĐSVN, sự phối hợp của các địa phương cùng với việc tuyên truyền có hiệu quả của các cơ quan truyền thông, tình hình TTATGTĐS trong 6 tháng đầu năm 2017 đã có

những chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông đường sắt tiếp tục được kiềm chế và giảm ở cả 3 tiêu chí (số vụ, số người bị chết và số người bị thương), cụ thể:

- Số vụ: 167 vụ, so với cùng kỳ 2016 giảm 38 vụ (- 18,5%), trong đó:
- Số người chết: 79 người, so với cùng kỳ 2016 giảm 04 người (-4,8%).
- Số người bị thương: 112 người, so với cùng kỳ 2016 giảm 30 người (-21,1%).

Trong 167 vụ tai nạn giao thông đường sắt có 06 vụ do chủ quan (3,6%) và 161 vụ do khách quan (96,4%), trong đó:

- *Tại đường ngang có gác: 05 vụ (3%);*
- *Tại đường ngang cảnh báo tự động: 14 vụ (8%);*
- *Tại đường ngang biển báo: 11 vụ (7%);*
- *Tại lối đi tự mở: 63 vụ (38%);*
- *Trên dọc đường: 74 vụ (44%).*

4. Những tồn tại, nguyên nhân và khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện:

4.1. Tồn tại:

** Đối với các đơn vị đường sắt:*

- Tiến độ rào đóng, thu hẹp lối đi tự mở và cấm bỏ sung biển báo hiệu “*Chú ý tàu hỏa*” còn chậm so với yêu cầu chỉ đạo của Tổng công ty (20/3/2017). Một số đơn vị khi tổ chức rào đóng, thu hẹp xong không tiến hành bàn giao ngay cho địa phương quản lý dẫn đến vừa rào xong hôm trước, hôm sau đã bị người dân nhổ ra để mở lại lối đi qua đường sắt. Còn 7/15 đơn vị chưa hoàn thành nội dung này (*các công ty CPĐS: Hà Lạng, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Sài Gòn*).

- Tỷ lệ cấm biển hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ tại lối đi tự mở công cộng có chiều rộng $\geq 3m$ đạt rất thấp.

- Tại nhiều lối đi tự mở người dân tự ý đặt tấm đan bê tông, tấm đan sắt,... trong lòng đường sắt mà chưa được các đơn vị đường sắt phát hiện, xử lý kịp thời gây nguy cơ mất an toàn chạy tàu;

- Công tác quản lý hành lang, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt còn thiếu hiệu quả; không xử lý dứt điểm một số vụ việc lấn chiếm, tái lấn chiếm HLATGTĐS.

- Công tác tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị còn chưa cụ thể, chậm thời gian theo yêu cầu; việc đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, cũng như xác định trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện còn chưa đầy đủ. Chưa chủ động trực tiếp đưa ra các giải pháp quyết liệt để tổ chức thực hiện ở cấp mình.

** Đối với các địa phương và các đơn vị quản lý đường bộ:*

- Nhiều địa phương chưa triển khai đầy đủ các nội dung Quy chế phối hợp đã ký kết với Bộ GTVT, đặc biệt 10 tỉnh chưa tổ chức cảnh giới tại các lối đi tự mở có nguy cơ cao xảy ra tai nạn giao thông cao (*Lào Cai, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc*

Giang, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận); 03 tỉnh, thành phố tổ chức cảnh giới rất ít vị trí so với yêu cầu thực tế (Yên Bái, Hải Phòng, Nghệ An); 03 tỉnh, thành phố chưa chỉ đạo UBND một số xã, phường, thị trấn tiếp nhận quản lý lối đi tự mở trên địa bàn (Hải Phòng, Phú Yên, Khánh Hòa).

- Việc cấm biển báo hiệu đường bộ tại các đường ngang chưa được thực hiện đầy đủ; cự ly lắp đặt biển báo chưa đúng quy định theo Thông tư 62; một số vị trí cấm sai, thừa biển báo hiệu (gây hiểu nhầm cho người tham gia giao thông và cho lái tàu khi xác định loại giao cắt). Việc duy tu, bảo dưỡng biển báo chưa được đơn vị quản lý đường bộ thực hiện thường xuyên.

- Mặc dù Bộ GTVT đã phê duyệt danh mục thứ tự ưu tiên các vị trí giao cắt cần làm làm gờ giảm tốc cưỡng bức, đồng thời đã có Quyết định ban hành Hướng dẫn tạm thời xây dựng gờ giảm tốc, gờ giảm tốc tại các vị trí đường bộ giao cắt cùng mức với đường sắt, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại các đơn vị quản lý đường bộ chưa triển khai xây dựng.

- Việc chủ trì giải tỏa, cưỡng chế vi phạm hành lang, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt ở một số địa phương thiếu quyết liệt; các hành vi vi phạm trật tự ATGTĐS chưa được xử lý kịp thời.

4.2. Nguyên nhân, khó khăn:

- Người đứng đầu tại một số đơn vị đường sắt chưa thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý an toàn; chưa chủ động báo cáo với cấp trên những khó khăn, bất cập; làm việc với chính quyền, các cơ quan chức năng của địa phương để đơn đốc thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm theo Quy chế phối hợp.

- Chính quyền một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác đảm bảo TTATGTĐS trên địa bàn quản lý; trong các cuộc làm việc với đường sắt còn né tránh, nêu lý do khó, dồn trách nhiệm cho ngành đường sắt.

- Việc quản lý lối đi tự mở đã được đóng, thu hẹp gặp nhiều khó khăn do người dân cố tình phá hoại tình trạng vi phạm hành lang, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và tái lấn chiếm trở lại vẫn xảy ra.

- Do trước đây việc cấp quyền sử dụng đất cho người dân căn cứ theo Nghị định 39/CP nên việc giải tỏa các công trình xây dựng vi phạm hành lang ATGTĐS hầu như không thể thực hiện được; công tác giải phóng tầm nhìn tại các vị trí giao cắt chỉ thực hiện được từ chân nền đường ra 5m còn lại nhà cửa, cây cối nằm trong phần đất đã được cấp sổ đỏ, nếu giải tỏa thì phải có phương án đền bù cho người dân.

- Một số nội dung trong Quy chế phối hợp giữa Bộ GTVT với UBND các tỉnh, thành phố trong công tác đảm bảo TTATGT tại các vị trí giao cắt đường bộ, đường sắt không còn phù hợp với tình hình hiện nay nên việc phân khai trách nhiệm thực hiện của các bên còn khó khăn.

- Nguồn vốn Nhà nước cấp còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì đường ngang, hàng rào, đường gom,...; vốn đầu tư thiếu và giải phóng mặt bằng chậm dẫn đến tiến độ thi công một số công trình, dự án chậm, thậm chí dừng, giãn tiến độ; một số địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc bố trí kinh phí thực hiện công tác phối hợp đảm bảo TTATGTĐS.

5. Kế hoạch thực hiện trong thời gian tới:

5.1. Tiếp tục báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành liên quan bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình dự án nâng cấp, cải tạo đường ngang đã được phê duyệt thực hiện trong năm 2017 (bổ sung cần chắn tự động cho **144** đường ngang CBTĐ; nâng cấp **20** đường ngang biển báo lên CBTĐ có CCTĐ; nâng cấp **01** đường ngang CBTĐ thành đường ngang có gác; lắp động cơ điện cho **43** đường ngang có gác,...); xây dựng phương án triển khai Kế hoạch nâng cấp **452** đường ngang biển báo lên đường ngang CBTĐ có lắp đặt CCTĐ ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương.

5.3. Chỉ đạo các công ty cổ phần đường sắt khẩn trương hoàn thành việc rào đóng, thu hẹp lối đi tự mở và cấm đầy đủ biển báo hiệu “*Chú ý tàu hỏa*”; chủ động làm việc với các địa phương và cơ quan quản lý đường bộ để triển khai ngay việc xây dựng gờ giảm tốc tại các vị trí giao cắt theo danh mục chấp thuận, thứ tự ưu tiên và hướng dẫn kỹ thuật tạm thời của Bộ GTVT.

5.4. Tiếp tục phối hợp với Cục ĐSVN làm việc với các địa phương để đôn đốc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp, kịp thời báo cáo Ủy ban ATGTQG, Bộ GTVT những địa phương không triển khai hoặc triển khai không hết trách nhiệm; tham mưu cho Bộ GTVT bổ sung các nội dung mới, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp trong Quy chế phối hợp để ký kết với UBND các tỉnh, thành phố có đường sắt đi qua.

5.5. Chủ động phối với chính quyền các địa phương, các cơ quan chức năng tiếp tục rà soát, xác định trước các vị trí bị che khuất tầm nhìn, các điểm vi phạm hành lang, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt để lên kế hoạch giải tỏa, cưỡng chế vi phạm.

5.6. Chỉ đạo người đứng đầu các đơn vị tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật, quy trình quy phạm; thực hiện nghiêm túc công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ định kỳ cho CBCNV, đặc biệt là lực lượng lao động liên quan trực tiếp đến công tác chạy tàu; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành QTQP, trình tự tác nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

5.7. Triển khai ứng dụng các giải pháp KHCN vào công tác quản lý, giám sát ATGTĐS:

- Ứng dụng phần mềm “*Lưu trữ và xử lý dữ liệu về công tác cứu hộ và ATGTĐS*” vào công tác quản lý số liệu về ATGTĐS từ 01/7/2017.

- Triển khai lắp đặt camera hành trình và còi cảnh báo trên các đầu máy từ tháng 8/2017.

- Tiếp tục nghiên cứu một số giải pháp khác: thiết kế lắp đặt sử dụng bộ ghi âm điện thoại tại các ga; chuyển giao và đào tạo sử dụng các phần mềm đọc dữ liệu hộp đen của đầu máy, của thiết bị tín hiệu đuôi tàu; đọc dữ liệu giám sát trạng thái hoạt động của thiết bị thông tin tín hiệu chạy tàu kiểu 6502 và SSI; ứng dụng phần mềm theo dõi trạng thái kỹ thuật của các đường ngang cảnh báo tự động, cảnh báo tự

động có cần chắn tự động; chuyển giao công nghệ máy kiểm tra kỹ thuật về đường sắt (Plasser & Theurer); chuyển giao thiết bị kiểm tra hệ số chống trượt bánh toa xe.

6. Một số đề xuất, kiến nghị:

6.1. Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan:

- Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan, địa phương chỉ đạo các dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ có giao cắt với đường sắt phải tổ chức giao cắt lập thể. Trường hợp đặc biệt mà giao cắt bằng thì phải làm hệ thống đường gom để gom ra vị trí đường ngang hợp pháp có sẵn.

- Bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Kinh phí thực hiện dự án nâng cấp 452 đường ngang biến báo thành đường ngang cảnh báo tự động có cần chắn tự động (Bộ GTVT đã có văn bản trình Thủ tướng Chính Phủ).

- Ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các công trình, dự án đảm bảo ATGTĐS (thuộc giai đoạn 2 Kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp) hiện đã bị tạm dừng từ 31/3/2014 do chưa được bố trí kinh phí, cụ thể: khối lượng còn lại đang thực hiện dở dang là 23 đường ngang và 27,96Km đường gom và 17,3Km rào cách ly. Hiện nay các công trình, dự án này chưa giao cho đơn vị nào quản lý, bảo vệ nên đã xuống cấp và bị mất vật tư (đặc biệt là tại các hàng rào cách ly).

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn Đầu tư phát triển để triển khai thực hiện xây dựng đường gom, hàng rào cách ly tại những đoạn tuyến đường sắt chạy qua khu vực dân cư nhằm tiến tới để xóa bỏ dần các lối đi tự mở bất hợp pháp theo lộ trình đã được phê duyệt. Trước mắt bố trí nguồn vốn hỗ trợ địa phương cảnh giới tại các lối đi tự mở có nguy cơ xảy ra tai nạn cao.

6.2. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia:

- Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam; chỉ đạo Ban ATGT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình địa phương để tăng cường thời lượng tuyên truyền về an toàn giao thông nói chung và an toàn giao thông đường sắt nói riêng.

- Đôn đốc các địa phương có giải pháp đảm bảo an toàn giao thông tại các lối đi tự mở theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban ATGTQG.

6.3. Bộ Giao thông vận tải:

- Tăng cường hoạt động của lực lượng thanh tra Bộ, phối hợp cùng với lực lượng CSGT tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về đảm bảo TTATGTĐS, đặc biệt là lái xe ô tô.

- Chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấm đầy đủ các loại biển báo hiệu đường bộ; có phương án triển khai xây dựng gờ giảm tốc cường bức tại 97 vị trí giao cắt theo danh mục chấp thuận, thứ tự ưu tiên và phương án kỹ thuật tạm thời đã được Bộ GTVT phê duyệt; sửa chữa, cải tạo mặt đường bộ tại các đường ngang, đường dân sinh; giải phóng tầm nhìn, mở rộng mặt cắt sang đường bộ tại các đường ngang mà đường bộ song song liền kề đường sắt.

6.4. Đối với các địa phương:

- Tiếp tục rà soát để tổ chức cảnh giới, chốt gác bổ sung tại các lối đi tự mở có nguy cơ cao xảy ra tai nạn giao thông.

- Chỉ đạo các Sở Giao thông vận tải địa phương triển khai xây dựng gờ giảm tốc cường bức tại các vị trí giao cắt theo danh mục chấp thuận, thứ tự ưu tiên và phương án kỹ thuật tạm thời đã được Bộ GTVT phê duyệt.

- Chỉ đạo chính quyền cấp xã, phường, thị trấn phối hợp chặt chẽ với các đường sắt trong công tác rào đóng, thu hẹp và quản lý lối đi tự mở.

- Chủ trì, phối hợp để ngăn chặn, cưỡng chế việc vi phạm HLATGT ĐS như: xây dựng lều quán, nhà cửa các công trình trái phép trong phạm vi HLATGT ĐS.

Trên đây là báo cáo Kết quả triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách đảm bảo an toàn giao thông đường sắt đến 30/6/2017, Tổng công ty ĐSVN mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của Chính phủ, Ủy ban ATGTQG, Bộ GTVT và các bộ ngành liên quan, sự phối hợp chặt chẽ của các địa phương và đơn vị chức năng trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt./.

Nơi nhận:

- Ủy ban ATGTQG (b/c);
- Chủ tịch HĐTV (b/c);
- Cục ĐSVN (p/h);
- Ban ATGT các địa phương có ĐS đi qua (để p/h);
- Các PTGD;
- Các ban của TCT;
- Các phân ban QLKCHTĐS KV1,2,3;
- Các chi nhánh KTĐS; Chi nhánh XNĐM;
- Các công ty CPĐS, CPTTTH ĐS; CP VTĐS;
- Lưu: VT, ANAT (3bản).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tá Tùng

PHỤ LỤC SỐ 01

BÁO CÁO SỐ LIỆU THỰC HIỆN VIỆC RÀO ĐÓNG, THU HẸP LỐI ĐI TỰ MỎ, CẨM BIỂN "CHÚ Ý TÀU HỎA" VÀ CÔNG TÁC CẢNH GIỚI ĐẾN 30/6/2017

(Kèm theo báo cáo số 1932 /BC-ĐS, ngày 04 / 7/2017 của Tổng công ty đường sắt Việt Nam)

Đơn vị quản lý bảo trì (Công ty CPDS)	Địa phương (tỉnh, TP)	Tổng số lối đi tự mở tính đến 31/12/2016	Lối đi tự mở đã được xóa bỏ từ 01/01 đến 30/6/2017 (lối đi)	Lối đi tự mở còn lại tính đến 15/6/2017					Cẩm biển "chú ý tàu hỏa"			Thu hẹp lối đi tự mở			Công tác cảnh giới	
				Tổng số lối đi tự mở	công cộng có chiều rộng $\geq 3m$	công cộng có chiều rộng $< 3m$	vào một vài hộ dân	công cộng không thể thu hẹp được	Tổng số lối đi cần cấm biển (lối đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lối đi)	Tỉ lệ cấm biển chú ý tàu hỏa (%)	Tổng số lối đi cần thu hẹp (lối đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lối đi)	Tỉ lệ thu hẹp lối đi tự mở (%)	Các đơn vị đường sắt đang cảnh giới	Địa phương đang cảnh giới
Yên Lào	Lào Cai	182	0	182	7	38	137	0	182	80	44.0	35	35	100.0	0	0
	Yên Bái	258	0	258	32	82	144	0	258	121	46.9	80	80	100.0	0	1
Vĩnh Phú	Phủ Thọ	91	3	88	31	57	0	5	88	88	100.0	83	83	100.0	0	17
	Vĩnh Phúc	18	1	17	10	7	0	3	17	17	100.0	14	14	100.0	0	0
	Hà Nội	2	0	2	0	2	0	0	2	2	100.0	2	2	100.0	0	0
Hà Hải	Hà Nội	116	0	116	7	65	44	14	116	104	89.7	68	68	100.0	5	9
	Hưng Yên	48	0	48	7	33	8	6	48	48	100.0	33	33	100.0	0	6
	Hải Dương	174	5	169	35	51	83	35	169	117	69.2	79	79	100.0	0	35
	Hải Phòng	80	4	76	7	53	16	13	76	64	84.2	31	31	100.0	0	6
Hà Thái	Hà Nội	101	0	101	22	31	48	26	101	96	95.0	15	15	100.0	0	2
	Thái Nguyên	93	0	93	25	29	39	22	93	42	45.2	18	18	100.0	0	0

Đơn vị quản lý bảo trì (Công ty CPĐS)	Địa phương (tỉnh, TP)	Tổng số lối đi tự mở tính đến 31/12/2016	Lối đi tự mở đã được xóa bỏ từ 01/01 đến 30/6/2017 (lối đi)	Lối đi tự mở còn lại tính đến 15/6/2017					Cấm biển "chú ý tàu hỏa"			Thu hẹp lối đi tự mở			Công tác cảnh giới	
				Tổng số lối đi tự mở	công cộng có chiều rộng ≥ 3m	cộng cộng có chiều rộng < 3m	vào một vài hộ dân	cộng cộng không thể thu hẹp được	Tổng số cấm biển 30/6/2017 (lối đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lối đi)	Tỉ lệ cấm biển chú ý tàu hỏa (%)	Tổng số thu hẹp lối đi cần thu hẹp (lối đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lối đi)	Tỉ lệ thu hẹp lối đi tự mở (%)	Các đơn vị đường sắt đang cảnh giới	Địa phương đang cảnh giới
Hà Lạng	Bắc Ninh	19	2	17	6	10	1	10	17	16	94.1	5	5	100.0	0	11
	Bắc Giang	276	19	257	90	30	137	40	257	116	45.1	79	70	88.6	4	0
	Lạng Sơn	184	27	157	27	125	5	25	157	149	94.9	51	45	88.2	2	1
	Hải Dương	80	3	77	45	11	21	25	77	51	66.2	31	25	80.6	1	18
	Quảng Ninh	315	14	301	98	28	175	27	301	118	39.2	98	98	100.0	0	4
Hà Ninh	Hà Nội	175	18	157	7	88	62	0	157	40	25.5	53	53	100.0	1	15
	Hà Nam	179	5	174	6	131	37	0	174	81	46.6	41	41	100.0	1	10
	Nam Định	258	17	241	7	54	180	0	241	63	26.1	45	45	100.0	2	12
	Ninh Bình	23	3	20	0	19	1	0	20	20	100.0	19	19	100.0	0	8
	Thanh Hóa	7	0	7	1	6	0	0	7	3	42.9	7	7	100.0	0	0
Thanh Hóa	Thanh Hóa	120	1	119	67	33	19	22	119	85	71.4	78	78	100.0	15	0
	Ngệ An	86	15	71	26	11	34	10	71	10	14.1	27	27	100.0	4	1
Ngệ Tĩnh	Ngệ An	109	13	96	34	62	0	0	96	96	100.0	34	34	100.0	1	0
	Hà Tĩnh	99	2	97	35	62	0	0	97	97	100.0	35	24	68.6	0	0
	Quảng Bình	1	0	1	0	1	0	0	1	1	100.0	0	0	0.0	0	0

Đơn vị quản lý bảo trì (Công ty CPDS)	Địa phương (tỉnh, TP)	Tổng số lỗi đi mở tính đến 31/12/2016	Lỗi đi tự mở đã được xóa bỏ từ 01/01 đến 30/6/2017 (lỗi đi)	Lỗi đi tự mở còn lại tính đến 15/6/2017					Cam kết "chú ý tàu hỏa"			100% đáp lỗi đi tự mở			Công tác cảnh giới	
				Tổng số lỗi đi tự mở	công có chiều rộng ≥ 3m	công có chiều rộng < 3m	vào một vải hộ dân	công không thể thu hẹp được	Tổng số lỗi đi cần cấm biên (lỗi đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lỗi đi)	Tỉ lệ cấm biên chú ý tàu hỏa (%)	Tổng số lỗi đi cần thu hẹp (lỗi đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lỗi đi)	Tỉ lệ thu hẹp lỗi đi tự mở (%)	Các đơn vị đường sắt đang cảnh giới	Địa phương đang cảnh giới
Quảng Binh	Quảng Binh	210	13	197	47	114	36	0	197	197	100.0	161	161	100.0	0	0
	Quảng Trị	27	2	25	14	11	0	0	25	25	100.0	25	25	100.0	0	0
Binh Trị Thiên	TT Huế	50	6	44	14	30	0	0	44	44	100.0	44	44	100.0	0	0
	TT Huế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0	0
QN - ĐN	Đà Nẵng	30	3	27	0	27	0	0	27	27	100.0	16	16	100.0	0	13
	Quảng Nam	72	0	72	3	69	0	0	72	72	100.0	35	25	71.4	2	0
	Quảng Ngãi	3	0	3	0	3	0	0	3	3	100.0	2	2	100.0	0	0
Nghĩa Binh	Quảng Ngãi	86	0	86	27	52	7	0	86	71	82.6	51	51	100.0	0	0
	Binh Định	106	0	106	22	80	4	0	106	89	84.0	65	65	100.0	0	0
Phủ Khánh	Binh Định	50	0	50	20	30	0	0	50	30	60.0	39	20	51.3	2	0
	Phủ Yên	78	2	76	32	44	0	0	76	46	60.5	57	31	54.4	3	0
	Khánh Hòa	159	0	159	78	81	0	0	159	74	46.5	107	73	68.2	9	17
Thuận Hải	Ninh Thuận	68	9	59	0	51	8	0	59	59	100.0	6	6	100.0	0	0
	Binh Thuận Hải	65	2	63	0	41	22	0	63	63	100.0	7	7	100.0	0	0

Đơn vị quản lý bảo trì (Công ty CPĐS)	Địa phương (tỉnh, TP)	Tổng số lối đi tự mở tính đến 31/12/2016	Lối đi tự mở đã được xóa bỏ từ 01/01 đến 30/6/2017 (lối đi)	Lối đi tự mở còn lại tính đến 15/6/2017					Cấm biến "chú ý tàu hỏa"			Thu hẹp lối đi tự mở			Công tác cảnh giới	
				Tổng số lối đi tự mở	công cộng có chiều rộng $\geq$ 3m	công cộng có chiều rộng < 3m	vào một vài hộ dân	công cộng không thể thu hẹp được	Tổng số lối đi cấm biến (lối đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lối đi)	Tỉ lệ cấm biến chú ý tàu hỏa (%)	Tổng số lối đi cần thu hẹp (lối đi)	Thực hiện đến 30/6/2017 (lối đi)	Tỉ lệ thu hẹp lối đi tự mở (%)	Các đơn vị đường sắt đang cảnh giới	Địa phương đang cảnh giới
	Lâm Đồng	5	0	5	2	3	0	0	5	5	100.0	2	0	0.0	0	0
Sài Gòn	Bình Thuận	112	24	88	11	48	29	7	88	52	59.1	22	9	40.9	1	0
	Đồng Nai	59	18	41	13	28	0	12	41	41	100.0	10	0	0.0	1	10
	Bình Dương	5	0	5	0	5	0	1	5	5	100.0	4	2	50.0	0	2
	TP HCM	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0	5
Các Chi nhánh khai thác ĐS															66	
Cộng:		4279	231	4048	915	1836	1297	303	4048	2628	64.9	1714	1566	91.4	120	203

PHỤ LỤC SỐ 02

BÁO CÁO SỔ LIỆU KẾT QUẢ CẨM BÒ SÙNG BIẾN BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ TẠI CÁC ĐƯỜNG NGANG ĐẾN 30/6/2017

(Kèm theo Báo cáo số 1932 /BC-ĐS, ngày 04 / 7/ 2017 của Tổng công ty đường sắt Việt Nam)

Thứ tự	Tỉnh, thành phố	Đường ngang hợp pháp phòng vệ bằng hình thức						Biển báo hiệu 210						Biển báo hiệu 211						Biển báo hiệu 243 a,b,c						Biển báo hạn chế phương tiện xe cơ giới tại các lối đi tự mở có chiều rộng ≥ 3m			Ghi chú
		Tổng số	Có người gác	Cảnh báo tự động		Biển báo	Tổng số biển cần phải có (biển)	Tổng số biển đã cắm (biển)	Tổng số biển còn thiếu (biển)	Tổng số biển cần phải có (biển)	Tổng số biển đã cắm (biển)	Tổng số biển còn thiếu (biển)	Tổng số biển cần phải có (biển)	Tổng số biển đã cắm (biển)	Tổng số biển còn thiếu (biển)	Tổng vị trí cần cắm	Vị trí đã cắm	Vị trí chưa cắm											
				Có cần chặn	Không có cần chặn																								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20										
1	Lào Cai	12	11	0	0	1	25	12	13	3	1	2	0	0	0	2	2	0											
2	Yên Bái	27	25	0	0	2	54	54	0	4	4	0	0	0	0	8	8	0											
3	Phủ Thọ	39	23	1	2	13	45	29	16	32	32	0	2	2	0	31	31	0											
4	Vĩnh Phúc	16	10	0	0	6	22	22	0	12	12	0	0	0	0	11	11	0											
5	Hà Nội	184	80	36	36	32	160	141	19	208	131	77	113	29	84	7	0	7											
6	Hưng Yên	14	10	2	0	2	20	20	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0											
7	Hải Dương	43	11	7	2	23	29	29	0	73	66	7	3	3	0	61	10	51											
8	Hải Phòng	32	10	4	3	15	19	19	0	44	42	2	0	0	0	0	0	0											
9	Thái Nguyên	29	11	1	1	16	22	22	0	30	30	0	30	0	30	0	0	0											
10	Lạng Sơn	28	18	2	0	8	36	30	6	20	18	2	0	0	0	31	19	12											
11	Bắc Giang	38	15	5	1	17	26	22	4	38	30	8	6	6	0	180	26	154											
12	Bắc Ninh	19	5	4	1	9	10	10	0	28	25	3	4	4	0	6	0	6											
13	Quảng Ninh	33	18	0	0	15	36	32	4	30	25	5	0	0	0	223	4	219											
14	Hà Nam	34	14	5	6	9	28	1	27	40	1	39	12	0	12	6	0	6											
15	Nam Định	44	13	8	5	18	26	13	13	62	13	49	18	0	18	7	0	7											
16	Ninh Bình	21	12	1	3	5	24	3	21	18	7	11	21	3	18	0	0	0											
17	Thanh Hóa	73	30	12	9	22	89	84	5	139	139	0	48	12	36	1	0	1											
18	Nghệ An	76	26	7	6	37	52	41	11	100	54	46	10	0	10	34	0	34											
19	Hà Tĩnh	29	13	1	1	14	26	26	0	28	12	16	0	0	0	35	0	35											
20	Quảng Bình	75	28	13	8	26	56	52	4	94	87	7	22	0	22	7	0	7											
21	Quảng Trị	62	17	15	3	27	34	34	0	90	90	0	0	0	0	0	0	0											
22	TT Huế	63	27	11	8	17	54	54	0	74	74	0	0	0	0	0	0	0											
23	Đà Nẵng	32	26	1	2	3	52	52	0	12	6	6	0	0	0	6	6	0											
24	Quảng Nam	65	28	15	5	17	56	50	6	74	31	43	2	2	0	38	38	0											

Thứ tự	Tỉnh, thành phố	Đường ngang hợp pháp phòng vệ bằng hình thức				Biển báo hiệu 210			Biển báo hiệu 211			Biển báo hiệu 243 a,b,c				Biển báo hạn chế phương tiện xe cơ giới tại các lối đi tự mở có chiều rộng ≥ 3m			Ghi chú
		Tổng số	Có người gác	Cảnh báo tự động		Biển báo	Tổng số biển cần phải có (biển)	Tổng số biển đã cắm (biển)	Tổng số biển còn thiếu (biển)	Tổng số biển cần phải có (biển)	Tổng số biển đã cắm (biển)	Tổng số biển còn thiếu (biển)	Tổng vị trí cần cắm	Số vị trí đã cắm	Số vị trí chưa cắm				
				Có cần chắn	Không có cần chắn														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
25	Quảng Ngãi	38	15	6	7	10	34	34	0	46	41	5	0	0	0	2	2	0	
26	Bình Định	66	23	11	10	22	46	44	2	95	95	0	12	0	12	0	0	0	
27	Phù Yên	44	22	9	1	12	65	55	10	74	64	10	24	0	24	0	0	0	
28	Khánh Hòa	89	30	16	17	26	65	64	1	168	145	23	78	15	63	0	0	0	
29	Ninh Thuận	28	8	1	2	17	16	13	3	40	34	6	48	0	48	0	0	0	
30	Lâm Đồng	4	1	0	0	3	2	2	0	6	6	0	6	0	6	0	0	0	
31	Bình Thuận	65	7	4	3	51	14	12	2	116	107	9	138	3	135	14	0	14	
32	Đồng Nai	57	32	9	6	10	64	64	0	50	50	0	78	26	52	10	0	10	
33	Bình Dương	10	8	0	0	2	16	14	2	4	4	0	6	0	6	1	0	1	
34	TP. HCM	27	22	3	2	0	42	42	0	10	10	0	24	0	24	0	0	0	
		1516	649	210	150	507	1365	1196	169	1871	1495	376	705	105	600	1279	157	1122	

PHỤ LỤC SỐ 03

TỔNG HỢP VI PHẠM HÀNH LANG ATGTĐS và GIẢI TỎA HL ATGTĐS THEO ĐỊA PHƯƠNG

(kèm theo báo cáo số 1932 /BC-ĐS, ngày 04 /7/2017 của Tổng công ty đường sắt Việt Nam)

TT	Tỉnh (TP)	Tổng hợp các vị trí vi phạm hành lang tính đến 16/5/2017			Tổng hợp các vị trí vi phạm hành lang đã được giải tỏa (16/5-15/6/2017)			Ghi chú
		Hành lang đường sắt (vị trí)	Hành lang đường dây TTHH đường sắt (vị trí)	Tổng cộng vi phạm (vị trí)	Hành lang đường sắt (vị trí)	Hành lang đường dây TTHH đường sắt (vị trí)	Tổng cộng vi phạm đã giải tỏa (vị trí)	
1	Hà Nội	1058	141	1199	14	0	14	
2	Hà Nam	349	50	399	19	5	24	
3	Nam Định	676	41	717	38	4	42	
4	Ninh Bình	229	10	239	0	0	0	
5	Thanh Hóa	275	4	279	4	4	8	
6	Nghệ An	458	18	476	0	18	18	
7	Hà Tĩnh	266	6	272	0	6	6	
8	Quảng Bình	14	10	24	14	9	23	
9	Quảng Trị	278	9	287	5	4	9	
10	Thừa Thiên Huế	1067	6	1073	2	3	5	
11	Đà Nẵng	1553	0	1553	0	0	0	
12	Quảng Nam	948	3	951	1	0	1	
13	Quảng Ngãi	396	1	397	9	1	10	
14	Bình Định	497	3	500	8	3	11	
15	Phú Yên	800	0	800	0	0	0	
16	Khánh Hòa	1236	0	1236	0	0	0	
17	Ninh Thuận	15	1	16	9	1	10	

TT	Tỉnh (TP)	Tổng hợp các vị trí vi phạm hành lang tính đến 16/5/2017			Tổng hợp các vị trí vi phạm hành lang đã được giải tỏa (16/5-15/6/2017)			Ghi chú
		Hành lang đường sắt (vị trí)	Hành lang đường dây TTTH đường sắt (vị trí)	Tổng cộng vi phạm (vị trí)	Hành lang đường sắt (vị trí)	Hành lang đường dây TTTH đường sắt (vị trí)	Tổng cộng vi phạm đã giải tỏa (vị trí)	
18	Bình Thuận	10	1	11	9	1	10	
19	Đồng Nai	32	13	45	32	13	45	
20	Bình Dương	1	0	1	0	0	0	
21	Hồ Chí Minh	11	0	11	0	0	0	
22	Lào Cai	185	97	282	3	9	12	
23	Yên Bái	345	149	494	3	25	28	
24	Phú Thọ	266	109	375	10	11	21	
25	Vĩnh Phúc	112	11	123	5	5	10	
26	Lạng Sơn	335	3	338	78	0	78	
27	Bắc Giang	584	4	588	29	0	29	
28	Bắc Ninh	339	1	340	8	0	8	
29	Quảng Ninh	627	3	630	59	0	59	
30	Thái Nguyên	16	3	19	0	0	0	
31	Hưng Yên	8	6	14	1	0	1	
32	Hải Dương	206	80	286	5	4	9	
33	Hải Phòng	25	51	76	0	3	3	
34	Lâm Đồng	3	0	3	0	0	0	
	Cộng:	13,220	834	14,054	365	129	494	

PHỤ LỤC SO 04
Tình hình tai nạn giao thông đường sắt từ 01/01/2017 - 30/06/2017

Địa phương	Số vụ				Chết				Bị thương				Ghi chú
	2017	2016	TPĐ	So sánh (%)	2017	2016	TPĐ	So sánh (%)	2017	2016	TPĐ	So sánh (%)	
Hà Nội	20	25	-5	-20.0	7	7	0	0.0	11	16	-5	-31.3	
Hưng Yên	3	5	-2	-40.0	1	2	-1	-50.0	4	4	0	0.0	
Hải Dương	6	10	-4	-40.0	1	3	-2	-66.7	4	7	-3	-42.9	
Hải Phòng	3	6	-3	-50.0	0	1	-1	-100.0	2	6	-4	-66.7	
Quảng Ninh	4	1	3	300.0	0	0	0		4	1	3	300.0	
Bắc Ninh	3	1	2	200.0	0	0	0		3	1	2	200.0	
Bắc Giang	7	5	2	40.0	3	4	-1	-25.0	4	3	1	33.3	
Lạng Sơn	6	4	2	50.0	1	2	-1	-50.0	3	2	1	50.0	
Vĩnh Phúc	1	1	0	0.0	1	0	1		0	1	-1	-100.0	
Phú Thọ	0	7	-7	-100.0	0	1	-1	-100.0	0	5	-5	-100.0	
Yên Bái	2	5	-3	-60.0	0	0	0		2	6	-4	-66.7	
Lào Cai	1	2	-1	-50.0	0	1	-1	-100.0	1	1	0	0.0	
Thái Nguyên	0	4	-4	-100.0	0	0	0		0	6	-6	-100.0	
Hà Nam	6	5	1	20.0	2	2	0	0.0	4	3	1	33.3	
Nam Định	9	9	0	0.0	6	2	4	200.0	10	9	1	11.1	
Ninh Bình	5	3	2	66.7	3	0	3		2	3	-1	-33.3	
Thanh Hoá	11	14	-3	-21.4	8	7	1	14.3	3	8	-5	-62.5	
Nghệ An	18	17	1	5.9	11	7	4	57.1	7	11	-4	-36.4	
Hà Tĩnh	2	3	-1	-33.3	1	3	-2	-66.7	1	0	1		
Quảng Bình	5	12	-7	-58.3	2	8	-6	-75.0	3	4	-1	-25.0	
Quảng Trị	0	6	-6	-100.0	0	2	-2	-100.0	0	3	-3	-100.0	
T T Huế	6	5	1	20.0	6	3	3	100.0	6	2	4	200.0	
Đà Nẵng	4	3	1	33.3	1	2	-1	-50.0	3	1	2	200.0	
Quảng Nam	5	11	-6	-54.5	2	8	-6	-75.0	3	8	-5	-62.5	
Quảng Ngãi	3	2	1	50.0	1	0	1		1	2	-1	-50.0	
Bình Định	5	11	-6	-54.5	7	6	1	16.7	4	6	-2	-33.3	
Phú Yên	2	3	-1	-33.3	0	0	0		2	5	-3	-60.0	
Khánh Hòa	10	8	2	25.0	4	5	-1	-20.0	7	5	2	40.0	
Ninh Thuận	3	1	2	200.0	2	1	1	100.0	1	0	1		
Bình Thuận	1	2	-1	-50.0	0	0	0		1	4	-3	-75.0	
Đồng Nai	12	11	1	9.1	8	4	4	100.0	13	8	5	62.5	

Địa phương	Số vụ				Chết				Bị thương				Ghi chú
	2017	2016	TĐ	So sánh (%)	2017	2016	TĐ	So sánh (%)	2017	2016	TĐ	So sánh (%)	
Hà Nội	20	25	-5	-20.0	7	7	0	0.0	11	16	-5	-31.3	
Hưng Yên	3	5	-2	-40.0	1	2	-1	-50.0	4	4	0	0.0	
Hải Dương	6	10	-4	-40.0	1	3	-2	-66.7	4	7	-3	-42.9	
Hải Phòng	3	6	-3	-50.0	0	1	-1	-100.0	2	6	-4	-66.7	
Quảng Ninh	4	1	3	300.0	0	0	0		4	1	3	300.0	
Bắc Ninh	3	1	2	200.0	0	0	0		3	1	2	200.0	
Bình Dương	1	0	1		0	0	0		1	0	1		
TP HCM	3	3	0	0.0	1	2	-1	-50.0	2	1	1	100.0	
Cộng	167	205	-38	-18.5	79	83	-4	-4.8	112	142	-30	-21.1	